TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NÚI THÀNH** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.

Bản án số:293/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 12/9/2017.
V/v : "ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÚI THÀNH, TỈNH QUẢNG NAM

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Sơn.
Các Hội thẩm nhân dân:
+ Bà Phan Thị Thanh Dung.
+ Bà Trần Thị Long.
Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Mùi - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Núi Thành.

Ngày 12/9/2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 250/2017/HNGĐ-ST ngày 07/8/2017, về "*ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25A/2017/QĐXX-HNGĐ ngày 24/8/2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Ngô Thị Lệ H, sinh năm: 1993, trú tại: Thôn T, xã Q, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Bùi Ngọc T, sinh năm: 1994, trú tại: Thôn T, xã H, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn xin ly hôn đề ngày 03/7/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Ngô Thị Lệ H trình bày:

Tôi và anh Bùi Ngọc T tự nguyện tìm hiểu đến với nhau thành vợ chồng có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã Q vào năm 2016. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chồng tôi lâm vào tệ nạn xã hội, tôi nhiều lần khuyên răn anh trở về làm ăn lương thiện nhưng anh vẫn tính nào tật ấy. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng đã hết , cuộc sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn.

Về con chung có 01 cháu tên Bùi Văn Anh H, sinh năm: 2016. Nếu ly hôn tôi yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: không có.

Về nợ chung và cho mượn nợ: Không có.

Bị đơn anh T trình bày tại hồ sơ: Về điều kiện và thời gian kết hôn tôi đồng ý như chị H khai. Trong quá trình chung sống có đôi lúc xẩy ra mâu thuẫn nhỏ, chỉ nói quan nói lại không có mâu thuẫn gì lớn. Về tình cảm tôi vẫn còn thương vợ con. Nay vợ tôi xin ly hôn tôi không đồng ý, yêu cầu Tòa án hòa giải cho vợ chồng đoàn tụ làm ăn nuôi con.

Về con chung có 01 cháu tên Bùi Văn Anh H, sinh tháng 6/2016. Nếu ly hôn tôi yêu cầu được nuôi con và yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung và cho mượn nợ: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

Về quan hệ hôn nhân:

Chị H và anh T tự nguyện tìm hiểu đến với nhau thành vợ chồng có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã Q vào năm 2016. Như vậy quan hệ hôn nhân của chị H và anh T là hợp pháp.

Trong quá trình chung sống đến năm 2017 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị H là do anh T lâm vào tệ nạn xã hội, chị H nhiều lần khuyên răn nhưng anh T không thay đổi nên yêu cầu Tòa án cho ly hôn. Anh T không thừa nhận nguyên nhân mâu thuẫn, cho rằng vợ chồng chỉ xảy ra cãi vả qua lại, mâu thuẫn không lớn nên không đồng ý ly hôn.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Núi Thành nhiều lần triệu tập các bên đương sự đến tham gia hòa giải nhưng anh T chỉ đến Tòa án một lần, còn lại vắng mặt là không có thiện chí hòa giải đoàn tụ. Mặc khác chị H cương quyết không quay về đoàn tụ cùng anh T.

Xét thấy mâu thuẫn giữa anh T và chị H không thể hàn gắn được, nếu kéo dài quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh T thì mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy yêu cầu ly hôn của chị H đối với anh T là có cơ sở để chấp nhận.

Về con chung: trong quá trình hôn nhân chị H và anh T sinh được một người con là Bùi Văn Anh H, sinh năm: 2016. Cả anh T và chị H đều yêu cầu nuôi con; chị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, anh T yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Xét thấy việc giao con cho ai nuôi phải đảm bảo điều kiện phát triển tốt nhất cho cháu về thể chất và tinh thần. Cháu H còn quá nhỏ nên cần sự chăm sóc của người mẹ. Do vậy xét giao cho chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu H đến khi đủ 18 tuổi, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Không có.
- Về nợ chung và cho mượn nợ: Không có.
- Án phí HNGĐ sơ thẩm chị H phải chịu theo quy định tại nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án ngày 30/12/2016.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Ngô Thị Lệ H được ly hôn anh Bùi Ngọc T.

2. Về con chung:

2.1. Giao con chung Bùi Văn Anh H, sinh năm 2016 cho chị Ngô Thị Lệ H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi cháu H thành niên đủ 18 tuổi.

2.2. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom chăm sóc giáo dục con. Vì lợi ích của con, khi cần thiết theo yêu cầu của một bên hoặc của hai bên thì Toà án có thể quyết định cho thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về cho mượn nợ: Không có.

6. Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị Ngô Thị Lệ H phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) được tính trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đồng (*ba trăm nghìn đồng*) chị H đã nộp trước tại Chi cục thi hành án Núi Thành theo biên lai thu số 0001529 ngày 07/8/2017.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho các bên đương sự biết đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Trần Thị Sơn

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Tòa án tỉnh Quảng Nam;
- Các đương sự;
- UBND xã Q;
- Lưu hồ sơ, án văn.